

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ – ST

Ngày 31 tháng 8 năm 2022

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Vinh và ông Hoàng Bá Thị.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:**
Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19A/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* **Chị Lô Thị H**, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Xóm X, xã Ng, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- *Bị đơn:* **Anh Hà Trọng Q**, sinh năm 1995 (vắng mặt);
Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Lô Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 20/4/2016, chị và anh Hà Trọng Q đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng (nay là xã Ng), huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng đi làm thuê tại Thành phố Hà Nội và đi về ở tại nhà bố mẹ anh Q tại xã M, huyện

T. Hai bên chung sống hạnh phúc đến lúc chị sinh con đầu lòng thì anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2018 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin ly hôn với anh Q.

- *Về con chung*: Chị H và anh Q có 01 (một) con chung là cháu Hà Quý S, sinh ngày 12/8/2016, cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Về phía bị đơn anh Hà Trọng Q: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Q đều vắng mặt, không có lý do.

[3]. Quan điểm của đại diện gia đình anh Hà Trọng Q: Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đối với ông Hà Trọng Q1 là bố đẻ anh Q, ông Q1 cho biết:

Thứ nhất, về việc địa chỉ, nơi làm việc của anh Hà Trọng Q:

Anh Q đang sinh sống cùng với gia đình ông, và đang đi làm thuê, ông không biết địa chỉ cụ thể, cuối tuần anh Q mới trở về nhà; ông đã nhận được các văn bản, tài liệu do Tòa án tổng đạt, ông trực tiếp giao cho anh Q khi anh về nhà.

Thứ hai, về quan hệ hôn nhân gia đình của anh Q

Anh Q, chị H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện Ng, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì vợ chồng đi làm thuê tại Thành phố Hà Nội, ngày nghỉ thì về ở với gia đình ông. Năm 2018, chị H và anh Q có xảy ra mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Chị H và anh Q có 01 (một) con chung là cháu Hà Quý S, hiện đang ở cùng với chị H.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Chị H và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Hà Quý S, sinh ngày 12/8/2016 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Lô Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Hà Trọng Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, tuy nhiên anh Q cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố ý vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh Q trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 20/4/2016, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng (nay là xã Ng), huyện N, tỉnh Nghệ An, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H cho rằng vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc; thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2018, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh Q, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy báo nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh Q, Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư, UBND xã M thì thấy rằng: Lời trình bày của chị H về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Q là hoàn toàn đúng. Đại diện gia đình anh Q là ông Hà Trọng Q1 (là bố đẻ anh Q) cũng xác định tình trạng vợ chồng chị H, anh Q như chị H trình bày.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên không hợp tác hòa giải và không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh Q có 01 (một) con chung là cháu Hà Quý S, sinh ngày 12/8/2016. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cháu S và không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu S kể từ khi sinh ra cho đến nay. Mặt khác, anh Q cố ý vắng mặt tại Tòa án, nên chưa có quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi chị H, anh Q có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Q cố ý vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh Q có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh Q và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lô Thị H được ly hôn anh Hà Trọng Q.
- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Hà Quý S, sinh ngày 12/8/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu S thành niên. Anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.
- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Lô Thị H phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0007424 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- *Về quyền kháng cáo:* Chị Lô Thị H và anh Hà Trọng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
- Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Nghĩa Liên, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

